

Số: 410 /QĐ-ĐHNL-NCKH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy định chế độ làm việc của viên chức về công tác nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh”

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2021; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 20/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 40/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập;

Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg: Ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Căn cứ quyết định số 2157/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Quyền Hiệu trưởng về việc ban hành “Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Nghiên cứu Khoa học,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định chế độ làm việc của viên chức về công tác nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các quy chế, quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng, Phó các đơn vị thuộc trường và viên chức tham gia các hoạt động khoa học công nghệ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- Lưu: HC, NCKH.



**PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn**



**QUY ĐỊNH**  
**CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA VIÊN CHỨC VỀ CÔNG TÁC**  
**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(kèm theo Quyết định số: 440./QĐ-ĐHNL-NCKH ngày 01 tháng 02 năm 2024)

**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định chế độ làm việc về công tác nghiên cứu khoa học, thực hiện các nhiệm vụ của Viên chức gồm các chức danh Trợ giảng, Giảng viên hạng I, II, III, Nghiên cứu viên, Kỹ thuật viên, Kỹ sư dạy thực hành, thực tập đang làm việc tại Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM.

2. Chế độ làm việc về công tác nghiên cứu khoa học là một trong các nhiệm vụ được quy định của Viên chức tham gia giảng dạy và nghiên cứu viên gồm các chức danh Trợ giảng, Giảng viên hạng I, II, III (sau đây gọi chung là Giảng viên), Nghiên cứu viên, Kỹ thuật viên, Kỹ sư dạy thực hành, thực tập của cơ sở giáo dục đại học.

**Điều 2. Mục đích**

1. Công tác nghiên cứu khoa học nhằm mục tiêu gắn kết, nâng cao chất lượng đào tạo; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; và đáp ứng khoa học kỹ thuật cho sản xuất, đời sống xã hội, và phát triển kinh tế.

2. Đáp ứng mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM: phát triển thành Trường Đại học định hướng nghiên cứu, thực hiện tốt ba nhiệm vụ trọng tâm là giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Nhiệm vụ KHCN bao gồm Chương trình, đề tài, dự án KHCN cấp Nhà nước, Bộ, địa phương; Chương trình, dự án, đề tài KHCN quốc tế; và Chương trình, đề tài, dự án KHCN cấp cơ sở.

2. Chương trình, đề tài, dự án KHCN cấp Nhà nước, Bộ gồm: a) Cấp Nhà nước, nhiệm vụ KHCN theo Nghị định thư; b) Nhiệm vụ KHCN được phê duyệt bởi Quỹ

Phát triển KHCN Quốc gia (NAFOSTED); và c) Cấp Bộ, được phê duyệt bởi Bộ trưởng Bộ ngành tương ứng.

3. Chương trình, đề tài, dự án KHCN cấp địa phương gồm: a) Cấp Tỉnh/Thành do Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở khác hoặc UBND tỉnh/thành phê duyệt, từ nguồn kinh phí tỉnh/thành hay kinh phí khác; b) Cấp Huyện, do Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở khác, UBND huyện phê duyệt, từ nguồn kinh phí huyện, của các Sở hay kinh phí khác.

4. Chương trình, dự án, đề tài KHCN quốc tế: Do các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ kinh phí cho tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu khoa học phù hợp theo quy định pháp luật Việt Nam, có xác nhận của Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM.

5. Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở là các đề tài nghiên cứu khoa học do Hiệu trưởng trường Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM phê duyệt giao cho tổ chức, cá nhân thực hiện gồm:

- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở do Trường đặt hàng thực hiện;
- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở được thực hiện bằng nguồn kinh phí của Trường;
- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở thực hiện bằng nguồn kinh phí hợp pháp khác có xác nhận của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM;
- Nhiệm vụ KHCN hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước thông qua các hợp đồng, thỏa thuận hợp tác có nguồn tài chính phù hợp theo quy định pháp luật có xác nhận của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM;

6. Hợp đồng chuyển giao KHCN là hợp đồng ghi nhận việc chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng công nghệ được chuyển giao hoặc chuyển giao quyền sử dụng đối tượng công nghệ được chuyển giao từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ và phải có sự ký duyệt của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM.

7. Hợp đồng tư vấn chuyên môn được hiểu là Hợp đồng được ký theo sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng tư vấn chuyên môn liên quan đến kiến thức KHCN cho bên sử dụng và phải có sự ký duyệt của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM.

#### **Điều 4. Các công tác nghiên cứu khoa học (NCKH)**

Viên chức của Trường đảm nhận các công việc sau được công nhận có thực hiện công tác nghiên cứu khoa học

1. Chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện các chương trình, đề án, dự án KHCN hay nhiệm vụ KHCN các cấp do Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM/ đơn vị hạch toán độc lập thuộc Trường chủ trì hoặc ký xác nhận phối hợp thực hiện.

2. Công bố kết quả nghiên cứu, ấn phẩm khoa học trên các Tạp chí khoa học

trong nước hoặc trên Tạp chí quốc tế trong danh mục Web of Science/ Scopus; xuất bản sách chuyên khảo, chương sách do nhà xuất bản uy tín trong và ngoài nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước công nhận, tác giả là viên chức của Trường và có ghi duy nhất đơn vị công tác là Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM, trường hợp ghi >1 đơn vị công tác phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Hiệu Trường (vd: Quyết định cử đi học nâng cao trình độ).

3. Chủ nhiệm hay tham gia thực hiện các hợp đồng chuyển giao khoa học công nghệ hay tư vấn chuyên môn được ký kết với Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM hoặc đơn vị hạch toán độc lập thuộc thẩm quyền quản lý của Trường.

4. Giải thưởng khoa học công nghệ, bằng sáng chế, giải pháp hữu ích được các tổ chức, cơ quan trong nước và quốc tế trao tặng, chứng nhận, tác giả là cán bộ của Trường và có ghi duy nhất đơn vị công tác là Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM.

5. Hướng dẫn người học thực hiện đề tài, dự án đạt giải thưởng khoa học công nghệ cấp Trường, trong nước (cấp Nhà nước, cấp Bộ, Cấp Tỉnh/ Thành) và quốc tế, tác giả là người học của Trường và có ghi nơi học tập là Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM.

6. Tham dự các hoạt động về nghiên cứu khoa học như hội nghị, hội thảo, diễn đàn; thành viên ban khoa học ở các sự kiện khoa học công nghệ, phản biện các bài báo đăng trên các Tạp chí trong và ngoài nước có uy tín theo quy định của Hội đồng Giáo sư nhà nước, thành viên/cán bộ thẩm định của các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành; Hội đồng giáo sư cơ sở; thành viên Hội đồng tư vấn/ thẩm định/ nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN các cấp.

## **Điều 5. Định mức về công tác NCKH**

1. Viên chức phải hoàn thành công tác NCKH tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm được quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số và chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và Thông tư số 20/2020/ TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 thay thế cho thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 về Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học.

2. Viên chức tham gia giảng dạy phải dành ít nhất 1/3 và Nghiên cứu viên phải dành 2/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để thực hiện nhiệm vụ NCKH. Tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên trong 44 tuần/năm là 1.760 giờ hành chính.

3. Để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Như vậy, thời gian làm việc của viên chức tham gia giảng dạy trong năm học để thực hiện nhiệm vụ NCKH là  $1.760 \times 1/3 = 586$  giờ hành chính (tạm gọi là giờ NCKH) và nghiên cứu viên là  $1.760 \times 2/3 = 1173$  giờ NCKH.

4. Định mức giờ NCKH của Viên chức được xác định theo chức danh nghề nghiệp, trình độ chuyên môn và/hoặc hệ số lương tương ứng (theo Bảng 1).

**Bảng 1.** Định mức giờ NCKH của Viên chức

STT	Chức danh và trình độ Viên chức	Định mức NCKH	
		% định mức	Số giờ
1	Giảng viên hạng I: Giảng viên cao cấp (Giáo sư và Phó giáo sư)	100	586
2	Giảng viên hạng II: Giảng viên chính (Tiến sỹ và Thạc sỹ)	85	498
3	Giảng viên hạng III (các trình độ)	75	440
4	Trợ giảng (các trình độ)	30	176
5	Nghiên cứu viên		
	- Nghiên cứu viên chính	85	997
	- Nghiên cứu viên	75	880
6	Kỹ thuật viên, Kỹ sư dạy thực hành, thực tập	25	147

#### **Điều 6. Các trường hợp miễn giảm định mức giờ NCKH**

Các giảng viên, nghiên cứu viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, đảng, đoàn thể là các trường hợp được miễn giảm định mức giờ NCKH và có nghĩa vụ thực hiện định mức giờ NCKH tối thiểu (Bảng 2), được tính theo tỷ lệ % định mức giờ NCKH.

**Bảng 2.** Định mức giờ NCKH tối thiểu cho trường hợp được miễn giảm

TT	Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể	% định mức giờ NCKH
1	Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng	15%
2	Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Hiệu trưởng	20%
3	Trưởng phòng, Thư ký Hội đồng trường, Giám đốc Trung tâm (không liên quan NCKH) và tương đương	25%
4	Phó trưởng phòng, Phó Giám đốc Trung tâm (không liên quan NCKH) và tương đương	30%

5	Trưởng khoa, Phó trưởng khoa và tương đương	
	a) Đối với khoa có 40 giảng viên trở lên hoặc có quy mô 800 người học trở lên	
	- Trưởng khoa, Viện trưởng, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu	60%
	- Phó trưởng khoa, Phó Viện trưởng, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu	70%
	b) Đối với khoa có dưới 40 giảng viên hoặc có quy mô dưới 800 người học	
	- Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn trực thuộc trường	70%
	- Phó trưởng khoa, Phó trưởng Bộ môn trực thuộc trường	80%
6	Trưởng bộ môn thuộc khoa và tương đương	
7	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa, Chủ nhiệm lớp, Cố vấn học tập	
8	Bí thư Đảng ủy	
9	Phó Bí thư Đảng ủy	
10	Bí thư chi bộ, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Chủ tịch Hội cựu chiến binh	
11	Phó bí thư chi bộ	
12	Viên chức trong thời gian tập sự	
13	Viên chức được cử đi đào tạo sau đại học trong nước dạng tập trung, đúng chuyên ngành	
14	Viên chức làm công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hội liên hiệp thanh niên thực hiện theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ	
	Bí thư Đoàn trường	30%
	Phó Bí thư Đoàn trường, Chủ tịch Hội Sinh viên trường	40%
	Phó Chủ tịch Hội Sinh viên trường	50%
	Bí thư Đoàn khoa có từ 1000 sinh viên trở lên	60%
15	Viên chức làm công tác công đoàn không chuyên trách trong Trường thực hiện theo Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	
	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn trường	giảm 44 giờ/năm
	Ủy viên ban chấp hành công đoàn trường, tổ trưởng, tổ phó tổ công đoàn bộ phận	giảm 22 giờ/năm
16	Viên chức đang là quân nhân dự bị, tự vệ được triệu tập huấn luyện, diễn tập hàng năm, thời gian tham gia huấn luyện, diễn tập được tính quy đổi một ngày làm việc bằng 2,5 giờ chuẩn.	

17	Đối với các Phân hiệu:	
	Giám đốc	20%
	Phó Giám đốc	25%
	Trưởng ban	45%
	Phó Trưởng ban	50%
	Trưởng Bộ môn	80%
	Phó Trưởng Bộ môn; cố vấn học tập	85%
	Bí thư Đảng ủy	20%
	Phó Bí thư Đảng ủy	50%
	Bí thư chi bộ	85%
	Phó Bí thư chi bộ	90%
	Bí thư Đoàn thanh niên	60%
	Phó Bí thư Đoàn thanh niên, Chủ tịch Hội sinh viên	70%
	Chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn	giảm 33 giờ/năm
Ủy viên ban Chấp hành Công đoàn, tổ trưởng, tổ phó tổ công đoàn bộ phận	giảm 16,5 giờ/năm	
18	Các trường hợp khác theo quyết định của Hiệu trưởng	
	-	

Tùy theo định mức giờ NCKH của chức danh nghề nghiệp (Khoản 4, Điều 5), định mức giờ NCKH miễn giảm, giờ nghỉ vụ tối thiểu được tính toán phù hợp cho viên chức được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, kiêm nhiệm quản lý, đảng và đoàn thể.

Một số trường hợp đặc biệt khác: viên chức phải tạm nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của Luật Lao động hiện hành được miễn giảm định mức giờ NCKH theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ. Viên chức được cử đi học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đi công tác được hưởng tỷ lệ miễn giảm theo tương ứng với thời gian đó.

## CHƯƠNG II

### QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

#### **Điều 7. Quy định tính giờ định mức NCKH**

1. Thực hiện tính toán khối lượng giờ NCKH cho từng đối tượng trong Bảng 1 được thực hiện, tổng hợp và đánh giá mức độ chính xác của việc kê khai bởi các Khoa/Bộ môn, Viện, Trung tâm và được kiểm tra và xác nhận bởi phòng Quản lý Nghiên cứu Khoa học vào thời gian tổng kết năm học.



2. Viên chức hoàn thành định mức giờ nghiên cứu khoa học, nếu vượt định mức giờ NCKH, phần giờ NCKH vượt sẽ được bảo lưu 01 năm và tính toán khối lượng giờ NCKH vào năm sau (nếu thiếu).

3. Viên chức thuộc diện được miễn giảm, giờ NCKH thực hiện trong năm sẽ bằng định mức giờ NCKH theo chức danh, trình độ và hệ số lương trừ đi định mức miễn giảm tương ứng tại Bảng 2. Viên chức kiêm nhiệm nhiều chức vụ được áp dụng định mức giờ NCKH thấp nhất trong chức vụ đảm trách.

4. Những thay đổi về chức vụ bổ nhiệm, chức danh, trình độ và hệ số lương từ ngày 30 tháng 07 trở về trước sẽ được dùng làm căn cứ để xác định định mức NCKH cho năm tiếp theo.

### **Điều 8. Tiêu chí quy đổi công việc ra giờ NCKH**

Định mức giờ NCKH được đánh giá thông qua kết quả của công tác nghiên cứu khoa học, được thể hiện là các sản phẩm từ hoạt động khoa học và công nghệ (KH-CN), các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, kỹ thuật.

**Bảng 3.** Quy đổi giờ NCKH từ các hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Tiêu chí	Đơn vị	Quy đổi giờ NCKH	
			Số giờ	Ghi chú
	<b>Bài báo quốc tế</b>			
1	Bài báo được chấp thuận đăng trong Tạp chí/ Kỷ yếu thuộc danh mục Web of Science và được Scimago xếp hạng (Q) hoặc Hội nghị được xếp hạng của CORE và được Hội đồng Giáo sư nhà nước công nhận	Bài		Bài báo được chấp nhận khi có minh chứng chấp nhận đăng hay bản đăng online, bản cứng copy; Có ghi đơn vị công tác duy nhất là Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
	- Q1 hay Hội nghị CORE xếp hạng A và A*		1800	
	- Q2 hay Hội nghị CORE xếp hạng B		1600	
- Q3 hay Hội nghị CORE xếp hạng C	1400			
	- Q4 hay Hội nghị CORE xếp hạng D		1200	
	(Đối với các bài báo Kỷ yếu thuộc danh mục Web of Science nhưng Hội nghị chưa được xếp hạng của CORE thì tính như bài báo Q4)			
	Bài báo quốc tế trong Tạp chí/ Kỷ yếu thuộc danh mục Scopus được Hội đồng Giáo sư nhà nước công nhận		1200	

	- Bài báo quốc tế trong Tạp chí/ Kỷ yếu thuộc danh mục ACI được Hội đồng Giáo sư nhà nước công nhận		1000	
	- Bài báo quốc tế trong Kỷ yếu Hội nghị quốc tế có ISBN được Hội đồng Giáo sư nhà nước công nhận		1000	
2	<b>Bài báo trong nước (tiếng Việt)</b>			
	- Bài báo trong nước (Tạp chí có mã số chuẩn quốc tế ISSN và trong danh mục công nhận của Hội đồng Giáo sư nhà nước)	Bài	800	Bài báo được chấp nhận khi có minh chứng chấp nhận đăng hay bản đăng online, bản cứng copy; Có ghi đơn vị công tác duy nhất là Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
	- Bài báo trong Kỷ yếu Hội nghị có chỉ số ISBN và trong danh mục công nhận của Hội đồng Giáo sư nhà nước		500	
<b>Hội thảo/hội nghị khoa học</b>				
3	Bài báo cáo tại hội nghị khoa học có ISBN, hoặc quốc tế uy tín	Bài/Hội nghị		Tác giả thực hiện có giấy chứng nhận/ email xác nhận tham dự; Có ghi đơn vị công tác duy nhất là Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
	- Diễn giả chính (Keynote speaker)		800	
	- Báo cáo (oral presentation)		500	
	- Báo cáo poster		200	
	- Bài báo cáo hội nghị khoa học cấp Trường		300	
- Diễn giả chính (Keynote speaker)	200			
- Báo cáo (oral presentation)	100			
- Báo cáo poster				
- Tham dự hội nghị khoa học có ISBN (với tư cách đồng tác giả)	75	Có giấy chứng nhận/email xác nhận tham dự của ban Tổ		
- Tham dự hội nghị khoa học quốc tế (với tư	100			

	cách đồng tác giả)			chức
	Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thành viên Ban khoa học, tổng thư ký của hội nghị, diễn đàn khoa học - Cấp Trường/Tỉnh Thành - Cấp Quốc gia - Cấp khu vực - Toàn cầu		200 300 500 800	
4	<b>Bằng sáng chế/Giải pháp hữu ích; Văn bằng bảo hộ giống vật nuôi/cây trồng; Quy trình kỹ thuật/ Tiến bộ kỹ thuật/ Tiêu chuẩn kỹ thuật được công nhận cấp cơ sở trở lên</b>			
	- Bằng sáng chế do WIPO/tổ chức quốc tế SHTT cấp	Sản phẩm	1800	Tác giả có quyền sở hữu hợp pháp, có minh chứng hợp lệ, Các văn bằng được chấp thuận đơn tính 50% giờ quy định, được Công bố Sở Hữu Công nghiệp tính 75% giờ quy định; Có ghi đơn vị công tác duy nhất là Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
	- Bằng Sáng chế do Cục Sở hữu Trí tuệ cấp		1600	
	- Giải pháp hữu ích do Cục Sở hữu Trí tuệ cấp		1200	
- Văn bằng bảo hộ giống vật nuôi, cây trồng được công nhận	1200			
	Quy trình kỹ thuật/Tiến bộ kỹ thuật/Tiêu chuẩn kỹ thuật - Được Hội đồng khoa học cấp quốc gia công nhận - Được Hội đồng khoa học cấp Tỉnh/Thành công nhận		600 300	
5	<b>Nhiệm vụ KHCN với nguồn kinh phí trong hoặc ngoài nước</b>			
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia hoặc tương đương	Nhiệm vụ được nghiệm thu	2400	Nhiệm vụ đang triển khai được tính 50% giờ quy định; Có ghi đơn vị công
Dự án/Chương trình/đề tài KHCN quốc tế - Loại 1: tổng trị giá $\geq 300.000$ USD	2400			

	- Loại 2: tổng trị giá $\geq 100.000$ USD – 300.000 USD - Loại 3: tổng trị giá $\geq 20.000$ USD – <100.000 USD - Loại 4: tổng trị giá $\geq 10.000$ - <20.000 USD		1500 1000 800	tác duy nhất là Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ		1500	
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Tỉnh/Thành		1500	
	Nhiệm vụ KHCN cấp Trường - Sản phẩm loại 1 - Sản phẩm loại 2 - Sản phẩm loại 2 + 3		500 800 1000	
	- Hướng dẫn sinh viên thực hiện nhiệm vụ KHCN (đề tài SV)		300	
	<b>Các hoạt động chuyển giao KHKT/Tư vấn/ Hướng dẫn kỹ thuật/Bản tin/tham luận KHCN đăng trên website cấp tỉnh/thành trở lên</b>			
6	Chuyển giao KHKT, công nghệ - Loại 1: tổng trị giá các hợp đồng $\geq 1$ tỷ đồng; - Loại 2: tổng trị giá các hợp đồng $\geq 500$ triệu đồng – 1 tỷ đồng; - Loại 3: tổng trị giá các hợp đồng $\geq 100$ triệu – 500 triệu đồng, - Loại 4: tổng trị giá các hợp đồng $\geq 50$ - 100 triệu đồng - Loại 5: tổng trị giá các hợp đồng $\geq 15$ triệu đồng Tư vấn chuyên môn/ Hướng dẫn kỹ thuật phục vụ cộng đồng	Sản phẩm/ Hợp đồng	2400 1500 1000 500 200 200	Có hợp đồng/văn bản được Hiệu Trưởng ký duyệt hoặc lãnh đạo Huyện/Tỉnh hoặc cấp tương đương xác nhận; Có ghi đơn vị công tác duy nhất là Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
	Bản tin/Tham luận KHCN - Trên Website/ Tạp chí/ Hội thảo khoa học của các tổ chức quốc tế có uy tín/cấp Bộ		500	Có ghi đơn vị công tác duy nhất là Trường

	- Hội thảo Khoa học hoặc Newsletter/ Website Cấp Trường/ Tỉnh, Thành.  - Hội thảo/trang web của Khoa, Viện, Trung tâm Nghiên cứu.		200  100	Đại học Nông Lâm TP. HCM
7	<b>Giải thưởng KHCN hoặc Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo các cấp</b>			
	Giải thưởng do Tổ chức Quốc tế trao tặng			Có ghi đơn vị công tác duy nhất là Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
	- Cấp toàn cầu		600	
	- Cấp khu vực		500	
	- Cấp Đại học		200	
- Giải thưởng cấp Nhà nước hay cấp Bộ hoặc tương đương	Giải	300	Có ghi đơn vị công tác duy nhất là Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM	
- Giải thưởng cấp Tỉnh/ Thành hoặc cấp Trường hoặc tương đương		200		
- Giải thưởng cấp Khoa		150		
8	Hướng dẫn sinh viên đạt giải thưởng KHCN hoặc Khởi nghiệp	Giải/ SV		Có ghi đơn vị công tác duy nhất là Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
	- Cấp Nhà nước		200	
	- Cấp Bộ		100	
	- Cấp Tỉnh/Thành		80	
	- Cấp Trường		80	
<b>Xuất bản Sách và tài liệu nghiên cứu, giảng dạy</b>				
	- Chương sách (tiếng nước ngoài) của Nhà xuất bản có uy tín được Hội đồng Giáo sư nhà nước công nhận	Sách/ chương sách	1200	Có ghi đơn vị công tác duy nhất là Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
	- Sách chuyên khảo được Hiệu trưởng phê duyet		1800	
	- Sách tham khảo từ kết quả nghiên cứu được Hiệu trưởng phê duyệt		1200	
9	<b>Các hoạt động KHCN khác</b>			

	Hoạt động KHCN liên kết với doanh nghiệp/Hợp đồng tài trợ liên quan KHCN -Loại 1: tổng trị giá $\geq$ 1 tỷ đồng; - Loại 2: tổng trị giá $\geq$ 500 triệu đồng; - Loại 3: tổng trị giá $\geq$ 100 triệu		1000 800 600	được phê duyệt của Hiệu Trưởng
	- Hội đồng thẩm định/ nghiệm thu đề tài, dự án cấp Bộ - Hội đồng thẩm định/ nghiệm thu đề tài cấp tỉnh/ thành phố/ trường - Hội đồng thẩm định/ nghiệm thu đề tài, dự án cấp Khoa/ Viện	Hoạt động/ hợp đồng	300 200 100	Có quyết định Hội đồng
	- Phản biện bài báo của Tạp chí quốc tế trong danh mục Web of Science - Phản biện bài báo của Tạp chí quốc tế trong danh mục Scopus - Phản biện bài báo của Tạp chí trong danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước công nhận.	/Sản phẩm/ Hội đồng /bài/hồ sơ	300 200 100	Có giấy/email/ ORCID xác nhận
	- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước. - Thành viên/Thẩm định hồ sơ cho Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành. - Thành viên/ Thẩm định hồ sơ Hội đồng Giáo sư cơ sở.		500 400 300	Có quyết định/thư mời

**Lưu ý:**

- Tất cả sản phẩm hoạt động KHCN và chuyển giao KHCN được công nhận khi có thể hiện tên tác giả (viên chức của Trường) kèm theo nơi công tác duy nhất là Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM, có địa chỉ cụ thể, minh chứng kèm theo.

- Sản phẩm hoạt động KHCN và chuyển giao KHCN được tính **phân chia số giờ cho tác giả/thành viên tham gia căn cứ theo Điều 7, 8 và Phụ lục I của Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg của Thủ Tướng chính phủ về Tiêu chuẩn, thủ tục xét nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh GS/PGS.**

## **Điều 9. Các quy định khác liên quan**

Giờ NCKH không dùng để thay thế cho giờ chuẩn Giảng dạy theo quy định. Giảng viên không hoàn thành giờ NCKH định mức có thể sử dụng cơ chế chuyển đổi từ giờ giảng dạy vượt định mức qua giờ NCKH theo hướng dẫn. Các trường hợp không hoàn thành giờ NCKH định mức cần có lý do phù hợp thực tế, được sự chấp thuận của Trưởng đơn vị và Hiệu trưởng.

Hệ số chuyển đổi giữa Giờ giảng dạy: Giờ NCKH được tính theo tỷ lệ tương ứng là 1:3,33. Trường hợp đặc biệt, giờ NCKH có thể được chuyển đổi thành giờ chuẩn Giảng dạy nhưng chỉ sử dụng kết quả cho việc đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm, nhưng chuyển đổi không vượt quá 50% định mức.

## **CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 10. Trách nhiệm triển khai và thi hành**

Trưởng các Khoa/Bộ môn, Phân hiệu, Viện trưởng, Giám đốc trung tâm có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện Quy định này: Triển khai giao định mức giờ chuẩn NCKH hàng năm cho viên chức (đối tượng theo bảng 1) của đơn vị theo chức danh nghề nghiệp, trình độ chuyên môn và/hoặc hệ số lương tương ứng.

Viên chức có trách nhiệm thực hiện công tác nghiên cứu khoa học theo chức danh nghề nghiệp, trình độ chuyên môn và/hoặc hệ số lương tương ứng và theo quy định. Viên chức có trách nhiệm kê khai trung thực, đảm bảo liêm chính học thuật khi có yêu cầu của đơn vị và Nhà trường.

Phòng QLNCKH phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc thực hiện định mức giờ NCKH đối với viên chức và báo cáo Ban Giám hiệu kết quả thực hiện trên cơ sở đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của viên chức.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp điều kiện thực tế, các đơn vị gửi ý kiến góp ý cho Hiệu Trưởng (thông qua Phòng Quản lý Nghiên cứu Khoa học để tổng hợp, trình phê duyệt).

Quy định này thay thế cho quy định trong Quyết định 3055/QĐ-ĐHNL-NCKH ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM về chế độ làm việc của giảng viên trong công tác nghiên cứu khoa học.

Các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm hỗ trợ/ thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác nghiên cứu khoa học của viên chức được đề cập trong Quy định này. Các trường hợp đặc biệt cần có Quyết định của Hiệu trưởng.

#### **Điều 11. Thi đua khen thưởng**

Kết quả thực hiện định mức giờ NCKH là một trong các cơ sở đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ, bình xét thi đua khen thưởng của viên chức trong năm học. Viên chức của Trường là tác giả của các sản phẩm khoa học công nghệ nổi bật được xét thưởng theo quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản liên quan./.



## PHỤ LỤC 1

**Bảng 1.** Định mức giờ NCKH của viên chức (đối tượng theo bảng 1, điều 4).

Đơn vị:.....năm học .....

STT	Họ và Tên	Chức danh và trình độ giảng viên	Định mức NCKH				Ghi chú
			% định mức	Giờ quy đổi	% giảm trừ	Giờ quy đổi cuối	
1							
2							
3							
...							

## PHỤ LỤC 2

**Bảng 2.** Đăng ký chuyển đổi giờ NCKH của viên chức (đối trọng theo bảng 1, điều 4).

Đơn vị:.....năm học .....

STT	Họ và Tên	Chức danh và trình độ giảng viên	Chuyển đổi từ		Thành định mức		Ghi chú
			Giờ giảng	Giờ NCKH	Giờ giảng	Giờ NCKH	
1							
2							
3							
...							

### PHỤ LỤC 3

**Bảng 3.** Đánh giá kết quả thực hiện định mức giờ giờ NCKH của viên chức (đối tượng theo bảng 1, điều 4).

Đơn vị:.....năm học .....

STT	Họ và Tên	Chức danh và trình độ giảng viên	Thực hiện giờ NCKH		Kết quả đánh giá			Ghi chú (bảo lưu, bù trừ,...)
			Giao	Đạt	Vượt	Đủ	Thiếu	
1								
2								
3								
...								